



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: [..12..]/2022/CV-HPM/TK

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc
- Mã chứng khoán: HPM
- Trụ sở chính: Khu 6, Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn
- Điện thoại: 0936.092.584
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Trường Sơn - Tổng Giám đốc
- Loại thông tin công bố: 24h
- Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) về việc: Nghị quyết HĐQT số: 07/NQ-HĐQT/HPM ngày 10/05/2022 v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin.

- Thông tin này được HPM đăng tải trên website: hoangphucasia.com
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TK.

Đính kèm:

- NQ HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT/HPM ngày 10/05/2022.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN TRƯỜNG SƠN



Số: 07/2022/NQ-HĐQT/HPM

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC
V/v ban hành Quy chế Công bố thông tin

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 26/11/2019 và các văn bản hiện hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện hành;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 05/2022/BB-HĐQT/HPM ngày 10/05/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế Công bố thông tin” của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tất cả những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: TCHC, TK.



LÊ THANH HỒNG



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 05 năm 2022

TOP
C
ÁY P
VÀ

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC
(Ban hành theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐQT/HPM của Hội đồng Quản trị ngày 10/05/2022)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Nguyên tắc Công bố thông tin	2
CHƯƠNG II	3
CÁC NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	3
Điều 4. Các trường hợp Công bố thông tin	3
Điều 5. Thời hạn và nội dung Công bố thông tin	3
Điều 6. Trình tự Công bố thông tin	4
CHƯƠNG III	4
HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN, LƯU TRỮ, TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN	4
Điều 7. Hình thức và phương tiện Công bố thông tin	4
Điều 8. Lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thông tin	5
Điều 9. Tạm hoãn Công bố thông tin	5
Điều 10. Trách nhiệm các đơn vị có liên quan	5
CHƯƠNG IV	6
PHÁT NGÔN	6
Điều 11. Người phát ngôn	6
Điều 12. Nội dung phát ngôn	6
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn	6
CHƯƠNG V	7
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	7
Điều 14. Điều khoản thi hành	7
Điều 15. Hiệu lực thi hành	7

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty với các Cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên Thị trường Chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật với tư cách là Công ty đại chúng, đăng ký giao dịch/niêm yết và những đối tượng khác.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Phòng, Ban, Đơn vị liên quan đến hoạt động công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Xây Dựng Thương Mại và Khoáng Sản Hoàng Phúc.
2. CBTT: là viết tắt của cụm từ công bố thông tin, CBTT là việc Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN), Sở Giao Dịch Chứng Khoán (SGDCK), Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán (TTLKCK) trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.
3. HNX: là viết tắt của SGDCK Hà Nội.
4. Đối tượng khác: Bao gồm Người nội bộ; Người có liên quan của Người nội bộ; Cổ đông lớn, Nhóm người có liên quan; Nhà đầu tư hoặc Nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành Cổ đông lớn; Tổ chức, Cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
5. Người nội bộ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Thành viên Ủy ban Kiểm toán; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Người có liên quan: Là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
7. Cổ đông lớn: là Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
8. Phát ngôn: là một hình thức CBTT đặc biệt không bị ràng buộc bởi các quy định của pháp luật đối với hình thức CBTT quy định tại Khoản 2 Điều này. Phát ngôn chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động tiếp xúc, trả lời và tuyên bố trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty. Việc phát ngôn do người phát ngôn được Công ty chỉ định và giao nhiệm vụ thực hiện.
9. Các đơn vị chuyên môn: Là các Phòng, Ban, bộ phận trong Công ty; các chi nhánh, các Công ty con và các Văn phòng đại diện của Công ty có liên quan đến các thông tin cần được công bố theo quy định tại Quy chế này.

10. ĐVCBTT: là viết tắt của cụm từ Đơn vị phụ trách CBTT. ĐVCBTT làm đầu mối chịu trách nhiệm chính cho các vấn đề liên quan đến CBTT của Công ty. ĐVCBTT là Đơn vị phụ trách Quan hệ Cổ đông (Nhà đầu tư).

11. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán: là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán; Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu; Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá; Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

12. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán: là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua; Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành; Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá; Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc Công bố thông tin

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
2. Việc CBTT phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện (Người CBTT). Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố.
3. Người được ủy quyền CBTT phải được đăng ký bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục 01, Phụ lục 03 của Thông tư 96/2020/TT-BTC. Trường hợp thay đổi Người được ủy quyền CBTT phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK ít nhất 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực.
4. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Người CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.
5. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
6. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT; ngày báo cáo

về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản, tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. Không được công bố những thông tin thuộc danh sách bảo mật do Chính phủ quy định.

8. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Ngôn ngữ CBTT của Công ty là tiếng Việt và tiếng Anh, tuy nhiên tính ưu tiên tiếng Việt trong các giao dịch, công bố có sự bất đồng giữa hai ngôn ngữ cho một vấn đề cần làm rõ.

CHƯƠNG II

CÁC NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 4. Các trường hợp Công bố thông tin

1. CBTT định kỳ.
2. CBTT bất thường.
3. CBTT theo yêu cầu.
4. CBTT khác theo quy định pháp luật.

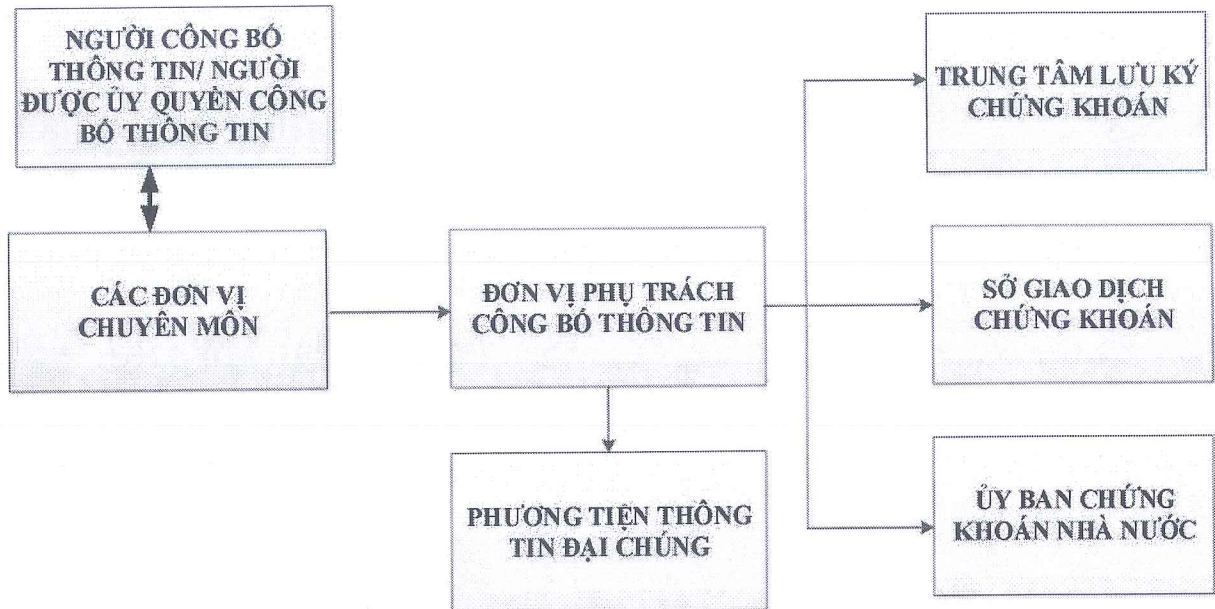
Điều 5. Thời hạn và nội dung Công bố thông tin

Thời hạn và nội dung CBTT tại Phụ lục - Chế độ báo cáo và công bố thông tin.

1. Đối với CBTT định kỳ, thông tin phải được công bố trước thời hạn CBTT cuối cùng ít nhất 01 ngày.
2. Những trường hợp cần CBTT bất thường (trong vòng 24 giờ, 10 ngày), CBTT theo yêu cầu và CBTT của Đối tượng khác theo quy định của pháp luật. ĐVCBTT có trách nhiệm điều phối các Đơn vị chuyên môn và Cá nhân có liên quan để chủ động thực hiện CBTT trong vòng 12 giờ trước thời hạn cuối cùng phải CBTT theo quy định.
3. Đối với CBTT định kỳ, Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị thông tin cần công bố định kỳ theo đúng quy định của pháp luật trước ngày cần CBTT ít nhất 07 ngày và gửi cho đơn vị thực hiện CBTT ít nhất 3 ngày.
4. Đối với CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT của Đối tượng khác, Đơn vị chuyên môn và Cá nhân có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị thông tin cần công bố theo đúng quy định của pháp luật trước ngày cần CBTT trong vòng 18 giờ trước thời hạn cuối cùng phải CBTT theo quy định.

Điều 6. Trình tự Công bố thông tin

1. Trình tự công bố thông tin được thực hiện như sau:



2. Trong quá trình thực hiện tài liệu CBTT, các đơn vị chuyên môn tham khảo ý kiến của ĐVCBTT Công ty để hoàn chỉnh tài liệu CBTT theo đúng quy định.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN, LƯU TRỮ, TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Hình thức và phương tiện Công bố thông tin

1. Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện CBTT sau:

- Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Công ty.
 - Các phương tiện CBTT của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN.
 - Các phương tiện CBTT của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK.
 - Phương tiện CBTT của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK.
 - Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Phương tiện CBTT chi tiết tại Phụ lục - Chế độ báo cáo và công bố thông tin.
3. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

4. Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT thông qua cổng trực tuyến, hình thức CBTT của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

5. Công ty phải lập trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có chuyên mục riêng về Quan hệ Cổ đông (Nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế CBTT, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

Điều 8. Lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thông tin

1. ĐVCBTT, Các đơn vị chuyên môn theo quy định của Quy chế này thực hiện việc lưu giữ, bảo quản thông tin đã báo cáo, công bố (bao gồm cả văn bản giấy và tập tin trên máy tính theo từng thư mục hồ sơ riêng biệt cho từng loại thông tin) tại trụ sở chính của Công ty.

2. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

3. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời gian tối thiểu 05 năm.

Điều 9. Tạm hoãn Công bố thông tin

1. Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn CBTT), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn CBTT đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện CBTT ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục hoặc đến thời hạn cam kết với UBCKNN, SGDCK.

2. Việc tạm hoãn CBTT được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện CBTT của Công ty và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.

Điều 10. Trách nhiệm các đơn vị có liên quan

1. Các đơn vị chuyên môn, những đối tượng khác phải cung cấp thông tin dưới hình thức văn bản đồng thời với việc gửi dữ liệu điện tử cho ĐVCBTT đúng thời hạn theo quy định của Quy chế này. Mọi chậm trễ gây ảnh hưởng đến việc CBTT đều bị xử lý theo Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

2. Tài liệu công bố thông tin khi gửi đến ĐVCBTT phải được thực hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ có bản dịch tiếng Anh đi kèm, tuy nhiên mọi ý nghĩa hiểu biết và trách nhiệm liên quan chỉ sử dụng bằng ngôn ngữ tiếng Việt của tài liệu công bố.

CHƯƠNG IV PHÁT NGÔN

Điều 11. Người phát ngôn

1. Người phát ngôn là người được Hội đồng Quản trị Công ty chỉ định và giao nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty và các lĩnh vực khác trong phạm vi cho phép.
2. Người phát ngôn chính thức của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc hoặc người khác do Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ định.
3. Người phát ngôn có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động phát ngôn của mình. Mọi cán bộ nhân viên Công ty không được tự ý phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề có liên quan đến Công ty khi chưa được người phát ngôn cho phép hoặc ủy quyền.

Điều 12. Nội dung phát ngôn

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về mọi vấn đề liên quan đến việc hoạch định các chiến lược, chính sách; về định hướng phát triển và vốn của Công ty.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về mọi vấn đề liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm và các lĩnh vực khác nếu được Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho phép bằng văn bản.
3. Đối với các thông tin đã được ban hành dưới dạng thông cáo báo chí trên toàn hệ thống, các Trưởng Đơn vị chủ động cung cấp đến các cơ quan truyền thông tại địa phương nơi Đơn vị hoạt động và phổ biến đến từng Cán bộ, Nhân viên để giới thiệu cho khách hàng và đối tác.
4. Trường hợp người phát ngôn được cho phép và ủy quyền bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, nội dung thông tin phải được gửi về Văn phòng Công ty tham mưu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn

1. Nhiệm vụ
 - a) Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng, tiếp xúc trực tiếp với các cơ quan thông tin hoặc tổ chức họp báo (nếu có) để thông tin cho công chúng các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này.
 - b) Xem xét việc trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
2. Quyền hạn

- a) Chủ động quyết định phương thức, nội dung cụ thể của thông tin phát ngôn trong phạm vi thẩm quyền được phép.
- b) Được quyền từ chối trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng những vấn đề hoạt động của Công ty không thuộc thẩm quyền phát ngôn; được quyền cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng những thông tin không đúng sự thật liên quan đến các lĩnh vực phát ngôn thuộc thẩm quyền.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Giao Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này; là đầu mối hướng dẫn và quản lý các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông.
2. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này đều bị xử lý kỷ luật tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm đồng thời phải bồi thường các thiệt hại (nếu có) do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế Công bố thông tin của Công ty gồm có 05 (năm) Chương, 15 (mười lăm) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2022.